**BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGHIỆP VỤ**

**Chủ đề:** XÂY DỰNG PHẦN MỀN QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN

**Kính gửi: Trưởng phòng giải pháp Công nghệ thông tin.**

**Mục lục**

[**I.** **USECASE TỔNG QUÁT** 4](#_Toc14444492)

[**II.** **SƠ ĐỒ LUÔNG DỮ LIỆU VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁC NGHIỆP VỤ** 5](#_Toc14444493)

[**1.** **Các nghiệp vụ của khách.** 5](#_Toc14444494)

[**1.1.** **Đăng nhập.** 5](#_Toc14444495)

[**2.** **Các nghiệp vụ của Admin.** 6](#_Toc14444496)

[**2.1.** **Thêm Đơn vị** 6](#_Toc14444497)

[**2.2.** **Sửa Đơn vị** 8](#_Toc14444498)

[**2.3.** **Xóa Đơn vị** 10](#_Toc14444499)

[**2.4.** **Thêm Đảng viên** 11](#_Toc14444500)

[**2.5.** **Thêm và sửa hồ sơ Đảng viên** 14](#_Toc14444501)

[**2.6.** **Chuyển Đảng viên (khóa tài khoản).** 16](#_Toc14444502)

[**2.7.** **Khóa người dùng** 18](#_Toc14444503)

[**2.8.** **Màn hình đổi mật khẩu** 19](#_Toc14444504)

[**2.9.** **Xem thông tin Đảng viên** 19](#_Toc14444505)

[**2.10.** **Thêm biểu mẫu** 22](#_Toc14444506)

[**2.11.** **Xem và tải biểu mẫu** 24](#_Toc14444507)

[**2.12.** **Xóa biểu mẫu** 25](#_Toc14444508)

[**2.13.** **Thêm Chi bộ** 27](#_Toc14444509)

[**2.14.** **Sáp nhập chi bộ** 29](#_Toc14444510)

[**2.15.** **Sửa tên Chi bộ** 30](#_Toc14444511)

[**2.16.** **Đăng xuất** 32](#_Toc14444512)

[**2.17.** **Thêm thành viên gia đình.** 33](#_Toc14444513)

[**2.18.** **Sửa thông tin thành viên gia đình** 35](#_Toc14444514)

[**2.19.** **Thêm kỉ luật** 36](#_Toc14444515)

[**2.20.** **Sửa kỉ luật** 38](#_Toc14444516)

[**2.21.** **Thêm khen thưởng** 40](#_Toc14444517)

[**2.22.** **Sửa khen thưởng** 42](#_Toc14444518)

[**2.23.** **Thống kê** 44](#_Toc14444519)

[**3.** **Các nghiệp vụ của Đảng viên.** 45](#_Toc14444520)

[**3.1.** **Đăng xuất** 45](#_Toc14444521)

[**3.2.** **Xem và tải biểu mẫu** 46](#_Toc14444522)

[**3.3.** **Thêm và Sửa hồ sơ** 47](#_Toc14444523)

[**3.4.** **Thêm thành viên gia đình.** 48](#_Toc14444524)

[**3.5.** **Sửa thông tin thành viên gia đình** 50](#_Toc14444525)

[**3.6.** **Thêm kỉ luật** 52](#_Toc14444526)

[**3.7.** **Sửa kỉ luật** 53](#_Toc14444527)

[**3.8.** **Thêm khen thưởng** 55](#_Toc14444528)

[**3.9.** **Sửa khen thưởng** 57](#_Toc14444529)

[**III.** **CƠ SỞ DỮ LIỆU CUỐI CÙNG** 59](#_Toc14444530)

[**1.** **Cơ sở dữ liệu** 59](#_Toc14444531)

[**2.** **Mô tả cơ sở dữ liệu** 59](#_Toc14444532)

[**2.1.** **Bảng Rolse** (Chứa quyền của người dùng) 59](#_Toc14444533)

[**2.2.** **Bảng Title** (Chứa các chức vụ trong Đảng) 59](#_Toc14444534)

[**2.3.** **Bảng Users** (Chứa thông tin đăng kí ban đầu). 59](#_Toc14444535)

[**2.4.** **Bảng Files** (Chứa thông tin chi tiết của Đảng viên). 60](#_Toc14444536)

[**2.5.** **Bảng Family** (Chứa thông tin thành viên trong gia đình) 60](#_Toc14444537)

[**2.6.** **Bảng Dangbo** (Chứa thông tin các Đảng bộ) 61](#_Toc14444538)

[**2.7.** **Bảng Chibo** (Chứa thông tin chi bộ) 61](#_Toc14444539)

[**2.8.** **Bảng Bonus** (Chứa thông tin khen thưởng của Đảng viên). 61](#_Toc14444540)

[**2.9.** **Bảng Discripline** (Chứa thông tin kỉ luật của Đảng viên) 61](#_Toc14444541)

[**2.10.** **Bảng Nation** (Chứa thông tin về các Dân tộc ở Việt Nam) 62](#_Toc14444542)

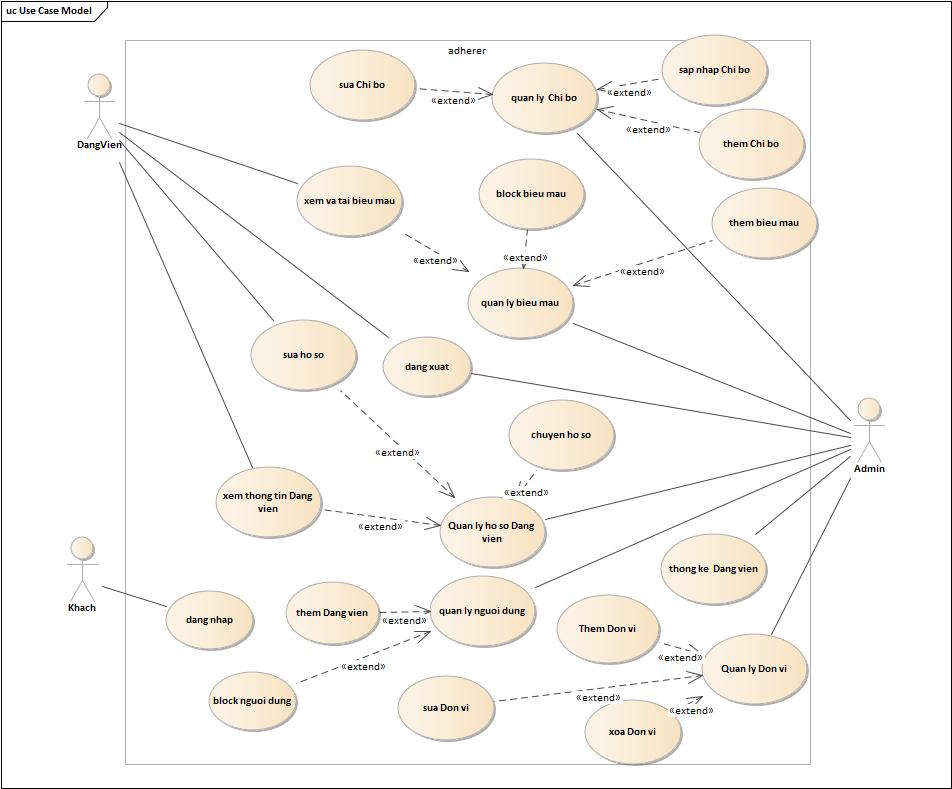
[**2.11.** **Bảng Organization** (Chứa thông tin các cơ quan (nơi công tác)) 62](#_Toc14444543)

[**IV.** **HƯỚNG ĐỀ XUẤT** 62](#_Toc14444544)

[**1.** **Công nghệ** 62](#_Toc14444545)

[**2.** **Database server** 62](#_Toc14444546)

1. **USECASE TỔNG QUÁT**



*Ảnh: Mô hình usecase.*

1. **SƠ ĐỒ LUÔNG DỮ LIỆU VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁC NGHIỆP VỤ**
2. **Các nghiệp vụ của khách.**
   1. **Đăng nhập.**
      1. **Sơ đồ luồng dữ liệu.**

Khách

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng User

* + 1. **Mô tả dữ liệu.**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* **madv**
* **password**
* **D2**: Không có
* **D3**: Model gồm token và id.
* **D4**: Không có
* **D5** :Không có
* **D6**: Chuyển tới trang chủ
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form đăng nhập cho người dung
* **B2:** Lấy mã Đảng viên và mật khẩu
* **B3:** Gửi mã Đảng viên và mật khẩu xuống server
* **B4:** Kiểm tra mã Đảng viên và mật khẩu, nếu đúng thì tạo trạng thái “true ” và tạo token, lấy id trả về cho người dung, nếu sai tạo trạng thái “false” và tin nhắn “Tên đăng nhập và mật khẩu không chính xác ” trả về cho người dung.
* **B5:** Kiểm tra trạng thái đăng nhập có “true” hay không.

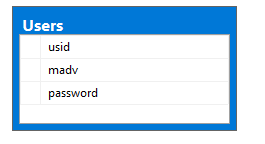
+ Nếu trạng thái là ‘true’ thì lưu token và id và browser, chuyển tới trang chủ.

+ Nếu là “fale” hiện bootbox thông báo thông tin đăng nhập không chính xác cho người dùng sau đó xóa thông tin ở form đăng nhập, quay lại B1.

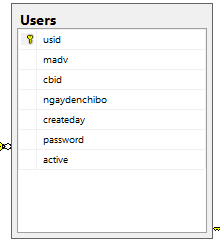
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu.**
       1. **Các thuộc tính mới**

**-User (madv, password, ngaydenchibo)**

* + - 1. **Xây dựng dữ liệu với tính đúng đắn**



* + - 1. **Xây dựng dữ liệu với tính tiến hóa.**



1. **Các nghiệp vụ của Admin.**
   1. **Thêm Đơn vị**
      1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

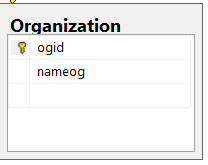
D6

Bảng Organization

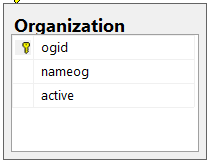
* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* **Nameog (**tên đơn vị)
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin **Origanization**.
* **D4**: **Origanization** (ogid, nameog, active).
* **D5**: Không có
* **D6**: Thông báo thêm tổ chức thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form thêm tổ chức
* **B2:** Lấy thông tin tổ chức (nameog)
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin tổ chức thêm mới tới server.
* **B4:** Kiểm tra tính đúng đắn của data truyền từ client, tạo trạng thái hoạt đông (active) là 0. Lưu thông tin tổ vào database
* **B5:** Gửi thông báo thêm tổ chức thành công hay thất bại về client, nếu thành công là “true”, nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra thông báo trạng thái trả về, nếu là “true” thì thông báo thêm tổ chức thành công, đóng form thêm mới tổ chức khi người dùng click vào button trên dialog thông báo, nếu là “false” thì thông báo thêm tổ không thành công và quay lại B1.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**

**Organization** (ogid, nameog, active)

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**

****

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**

****

* 1. **Sửa Đơn vị**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

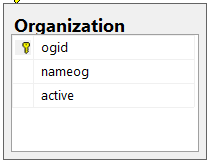
D4

D5

D6

Bảng Organization

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* **Ogid** (mã đơn vị)
* **Nameog (**tên đơn vị đã được chỉnh sửa)
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin **Origanization**.
* **D4**: **Origanization** (ogid, nameog, active).
* **D5**: Không có
* **D6**: Thông báo sửa tổ chức thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form sửa tổ chức
* **B2:** Lấy thông tin tổ chức (nameog)
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin tổ chức sửa tới server.
* **B4:** Kiểm tra tính đúng đắn của data truyền từ client, tạo trạng thái hoạt đông (active) là 0. Ghi đè thông tin tổ vào database
* **B5:** Gửi thông báo thêm tổ chức thành công hay thất bại về client, nếu thành công là “true”, nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra thông báo trạng thái trả về, nếu là “true” thì thông báo sửa tổ chức thành công, đóng form sửa tổ chức khi người dùng click vào button trên dialog thông báo, nếu là “false” thì thông báo sửa tổ không thành công và quay lại B1.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**

****

* 1. **Xóa Đơn vị**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

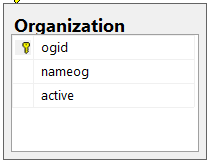
D4

D5

D6

Bảng Organization

* + 1. **Mô tả nghiệp vụ**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* **Ogid** (mã đơn vị)
* **D2**: Không có
* **D3**: Không có.
* **D4**: **Origanization** (ogid).
* **D5**: Không có
* **D6**: Thông báo xóa tổ chức thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form thông báo xóa tổ chức
* **B2:** Nếu người dùng không chọn đồng ý xóa thì tắt form thông báo, nếu người dùng đồng ý xóa thì lấy ogid.
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin tổ chức (ogid) tới server.
* **B4:** Lấy thông tin Oganization theo ogid, cập nhật lại thông tin tổ chức với trạng thái mới (active=1) là trạng thái không hoạt động.
* **B5:** Gửi thông báo xóa tổ chức thành công hay thất bại về client, nếu thành công là “true”, nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra thông báo trạng thái trả về, nếu là “true” thì thông báo xóa tổ chức thành công, nếu là “false” thì thông báo xóa tổ không thành công và quay lại B1.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**

****

* 1. **Thêm Đảng viên**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

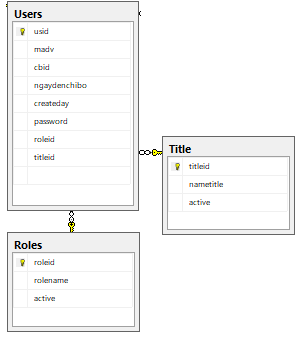
D4

D5

D6

Bảng User

* + 1. **Mô tả thông tin**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* **madv**
* **password**
* **cbid**
* **thoigianchuyenden**
* **roleid** (mã quyền)
* **titleid** (mã chức vụ trong Đảng)
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin **User**.
* **D4**: **User** (usid, madangvien, password, cbid, thoigianchuyenden, createday, active).
* **D5** :Không có
* **D6**: Thông báo thêm Đảng viên thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form thêm Đảng viên
* **B2:** Lấy thông tin Đảng viên (usid, madangvien, password, cbid, thoigianchuyenden)
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin Đảng viên thêm mới tới server.
* **B4:** Kiểm tra tính đúng đắn của data truyền từ client, đổi kiểu dữ liệu của ngày chuyển đến từ string thành datetime , tạo ngày hiện tại, Lưu thông tin Đảng viên vào database
* **B5:** Gửi thông báo thêm Đảng viên thành công hay thất bại về client ,nêu thành công là “true”, nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra thông báo trạng thái trả về , nếu là “true” thì thông báo thêm Đảng viên thành công , đóng form thêm mới Đảng viên khi người dùng click vào button trên dialog thông báo, nếu là “false” thì thông báo thêm Đảng viên không thành công.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**
* Không có
  + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**

****

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**

****

* 1. **Thêm và sửa hồ sơ Đảng viên**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Files

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Thông tin **Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email).
* **D2**: **Files**
* **D3**: **Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email, updateday).
* **D5**: Không có
* **D6**: Thông báo cập nhật thông tin thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:** Lấy thông tin người dùng **Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email).

**B2:** Gửi thông tin người dùng tới server

**B3:** Lưu thông tin người dùng xuống database.

**B4:** Gửi trạng thái tới người dùng, thành công trạng thái là “true” nếu không thành công trạng thái là “false”.

**B5:** Kiểm tra trạng thái gửi về từ client, hiện dialog thông báo, nếu thành công thì tắt form edit nếu không thành công thì chuyển tới B1.

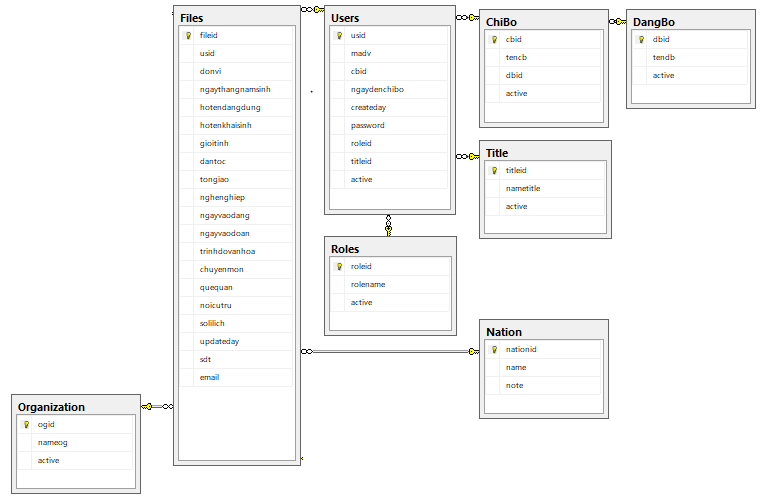
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**

**Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email).

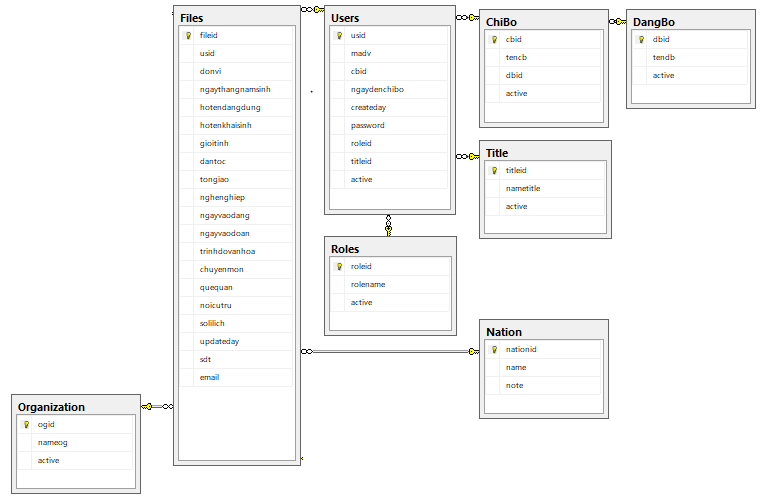
**Nation** (nationid, name, note)

**Organization** (ogid, nameog, active)

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**

****

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa.**

****

* 1. **Chuyển Đảng viên (khóa tài khoản).**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Users

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* Usid(usid, cbid)
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin User.
* **D4**: User (thông tin cập nhật mới Chi bộ).
* **D5** :Không có
* **D6**: Thông báo chuyển Đảng viên thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện form chuyển Đảng viên (cbid hiện tại và cbid chuyển đến).
* **B2:** Lấy thông tin Đảng viên (usid và mã Chi bộ cần chuyển đến).
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin Đảng viên thêm tới server.
* **B4:** Cập nhật Chi bộ mới cho Đảng viên
* **B5:** Thông báo chuyển Chị bộ thành công hay thất bại, nếu thành công là “true” nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra trạng thái chuyển Chi bộ thành công hay thất bại, nếu trạng thái là “true” thì hiện dialog thông báo thành công nếu trạng thái là thất bại thì hiện dialog thông báo chuyển Chi bộ không thành công.
* **B7:** Đóng form chuyển Đảng viên
  1. **Khóa người dùng**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

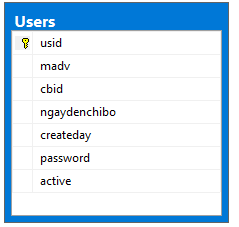
D4

D5

D6

Bảng Users

* + 1. **Mô tả nghiệp vụ**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* Usid(usid)
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin User.
* **D4**: User (thông tin cập nhật mới Chi bộ và thay đổi trạng thái).
* **D5** :Không có
* **D6**: Thông báo khóa User (Đảng viên) thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**
* **B1:** Hiện dialog thông báo khóa User (Đảng viên).
* **B2:** Nếu người dùng đồng ý khóa lấy thông tin Đảng viên(usid) và đóng dialog.
* **B3:** Kết nối và chuyển thông tin Đảng viên (usid) tới server.
* **B4:** Cập nhật trạng thái mới cho Đảng viên
* **B5:** Thông báo khóa Đảng viên thành công hay thất bại, nếu thành công là “true” nếu thất bại là “false”.
* **B6:** Kiểm tra trạng thái khóa Đảng viên thành công hay thất bại, nếu trạng thái là “true” thì hiện dialog thông báo thành công nếu trạng thái là thất bại thì hiện dialog thông báo khóa Đảng viên thành công.
* **B7:** Đóng dialog xác nhận khi người dùng click xác nhận.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Màn hình đổi mật khẩu**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Users

* + 1. **Mô hình hóa dữ liệu**
* **D1:** Cung cấp thông tin
* Usid(mã user tự sinh)
* Password
* ngaydenchibo
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin User (Đảng viên) trong bảng Users.
* **D4**: User(password).
* **D5** :Không có
* **D6**: Thông báo đổi mật khẩu thành công hay thất bại, nếu thất bại quay lại **B1**.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:** Hiện form thay đổi mật khẩu

**B2:** Lấy thông tin User (mật khẩu cũ, mật khẩu mới, mật khẩu xác nhận, usid)

**B3:** Check mật khẩu mới và mật khẩu xác nhận, nếu trùng khớp thì tới B4 nếu không trùng khớp thì quay lại B2.

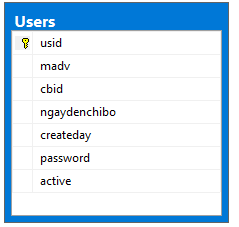
**B4:** Gửi userid và mật khẩu mới tới server

**B5:** Kiểm tra mật khẩu cũ có trùng khớp hay không, tiến hành mã hóa và lưu mật khẩu mới.

**B6:** Thông báo thay đổi mật khẩu, nếu thành công thì trạng thái là “true” nếu thất bại thì trạng thái là “false”.

**B7:** Hiện dialog thông báo thành công hay thất bại, nếu thất bại quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu.**



* 1. **Xem thông tin Đảng viên**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

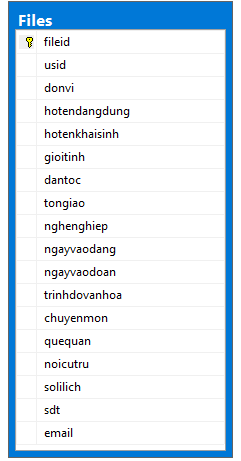
D6

Bảng Users, Files

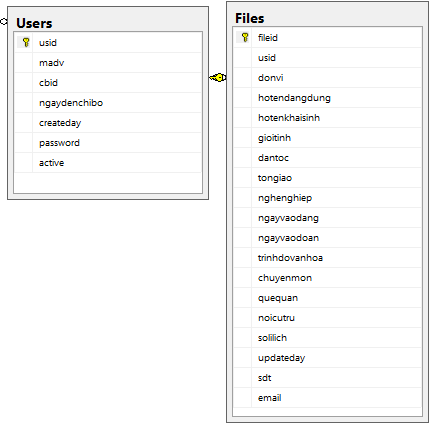
* + 1. **Mô hình hóa dữ liệu**
* **D1:** Mã chi bộ
* **D2**: Không có
* **D3**: Thông tin User, Hồ sơ Đảng viên.
* **D4**: Mã chi bộ
* **D5** :Không có
* **D6**: Hiển thị thông tin Đảng viên và hồ sơ.
  + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Cơ sở dữ liệu mới**

**File (**id, usid, donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solilich, sdt, email**)**

* + - 1. **Cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Thêm biểu mẫu**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu.**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Forms

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1: Form (**nameform, namefile, file, note)
* **D2**: Không có
* **D3**: Không có.
* **D4**: **Form** (nameform, namefile, file, note, active)
* **D5** :Không có
* **D6**: Thông báo thêm biểu mẫu thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:** Lấy thông tin (nameform, namefile, file, note)

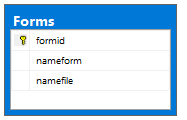
**B2:** Gửi thông tin biểu mẫu về server

**B3:** Cập nhật file biểu mẫu vào server chứa biểu mẫu, tạo tên biểu mẫu tự động, tạo trang thái active là 0 và lưu thông tin biểu mẫu vào database.

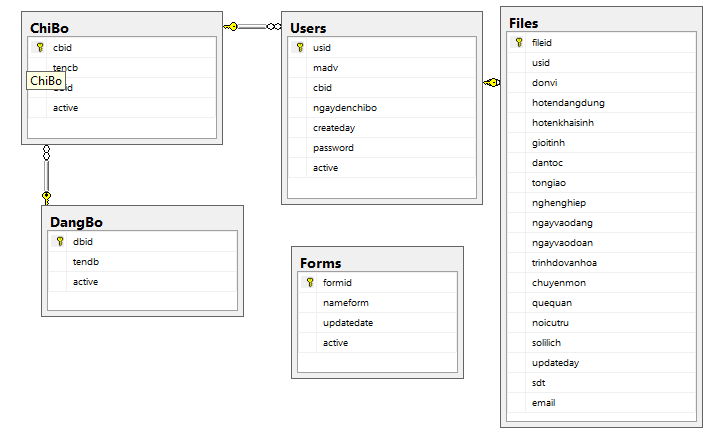
**B4:** Tạo trạng thái và gửi về client, nếu thành công là “true” nếu thất bại là “false”.

**B5:** Kiểm tra trạng thái thêm biểu mẫu, hiện dialog thông báo thêm thành công hay thất bại. Nếu thành công thì cập nhật danh sách biểu mẫu, nếu thất bại thì quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**
* **Forms (**formid, nameform, updateday, namefile**)**
  + - 1. **Thiết kế cơ sỡ dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Xem và tải biểu mẫu**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Forms

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Không có
* **D2**: Không có
* **D3**: **Form** (nameform, formid, filename, active, updateday).
* **D4**: Không có
* **D5** :Không có
* **D6**: Biểu mẫu đường dẫn và file
  + 1. **Thuật toán**

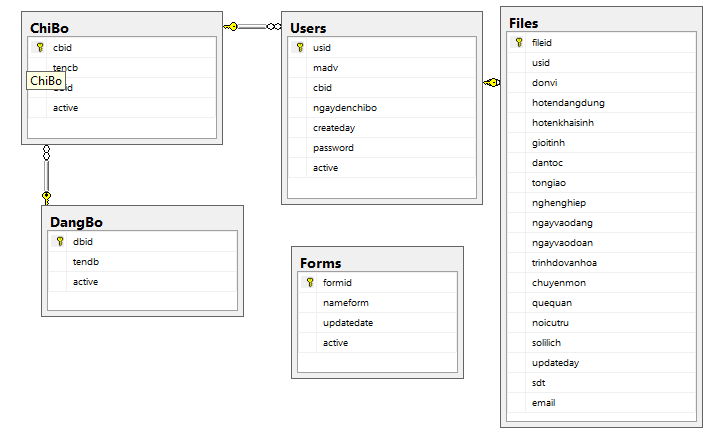
**B1:** Mở trang biểu mẫu

**B2:** Lấy biểu mẫu thông qua gọi server

**B3:** Hiện thị biểu mẫu cho người dùng

**B4:** Tải biểu mẫu khi người dùng chọn tải biểu mẫu

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Xóa biểu mẫu**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Forms

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1: Forms**(formid)

**D2**: Không có

**D3**: Không có.

**D4**: **Form** (formid, active)

**D5**: Không có

**D6**: Trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Hiện dialog thông báo cho người dùng để xác nhận xóa biểu mẫu, nếu người dùng chọn “no” thì tắt dialog thông báo, nếu người dùng chọn “yes” thì lấy thông tin form(formid)

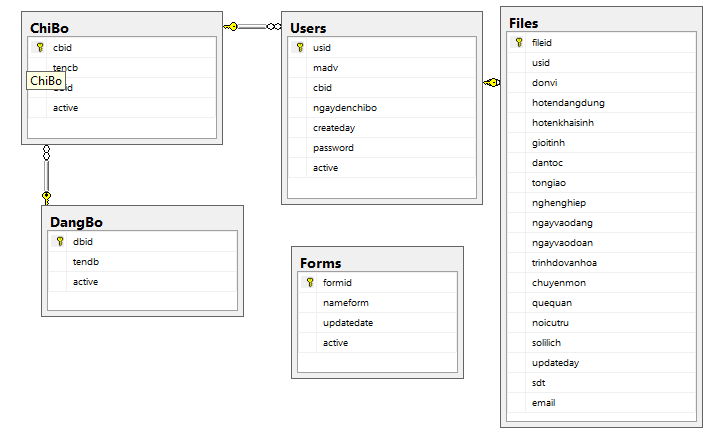
**B2:** Gửi thông tin form(formid) xuống phía server;

**B3:** Cập nhật trạng thái hoạt động của form(active) thành không hoạt động (1).

**B4:** Gửi thông tin phản hồi về phía client, nếu thành công trạng thái là “true” nếu thất bại trạng thái là “false”.

**B5:** Hiện thông báo cho người dùng là thành công hay thất bại, nếu thất bại thì quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm Chi bộ**
     1. **Sơ dồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Chi bộ

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1: ChiBo** (tên chi bộ, đơn vị)

**D2**: Không có

**D3**: **Chibo** (cbid, tencb, đonvi, active).

**D4**: **Chibo** (cbid, tencb, đonvi, active)

**D5**: Không có

**D6**: Trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Hiện form thêm chi bộ

**B2:** Lấy thông tin (cbname, donvi)

**B3:** Gửi thông tin Chi bộ tới server

**B4:** Tạo mã chi bộ và lưu thông tin chi bộ xuống cơ sở dữ liệu

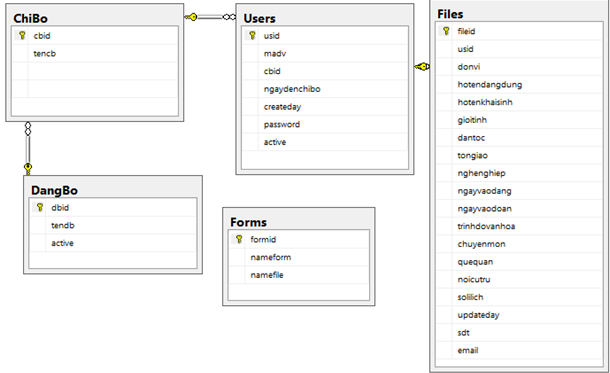
**B5:** Phàn hồi trạng thái cho người dùng, nếu thêm thành công trạng thái là “true” nếu không thành công thì trạng thái là “false”

**B6:** Kiểm tra trạng thái phản hồi từ server, hiện dialog thông báo trạng thái, nếu thành công thì cập nhật danh sách chi bộ, nếu không thành công thì quay lại B1.

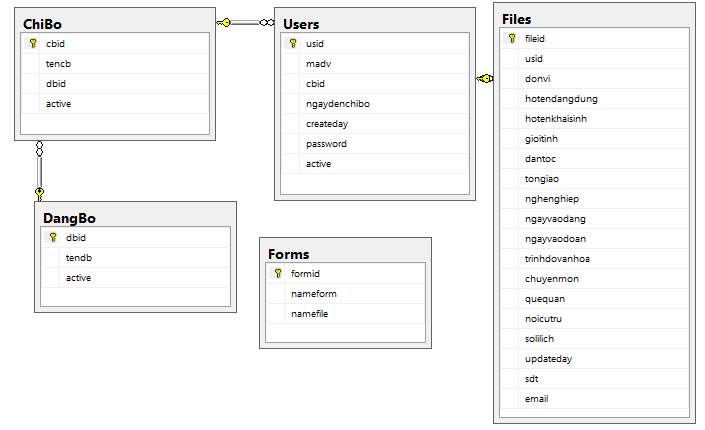
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới:**

**ChiBo** (cbid, tencb)

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**

****

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Sáp nhập chi bộ**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Users

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1: ChiBo** (cbid, cbid chuyển đến)

**D2**: Không có

**D3**: **Chibo** (table)

**D4**: **Users** (Cập nhật mã chi bộ cho toàn bộ User với mã chi bộ chuyển đến).

**D5**: Không có

**D6**: Trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Hiện form sáp nhập chi bộ. lấy thông chi bộ muốn sáp nhập và chi bộ muốn chuyển tới

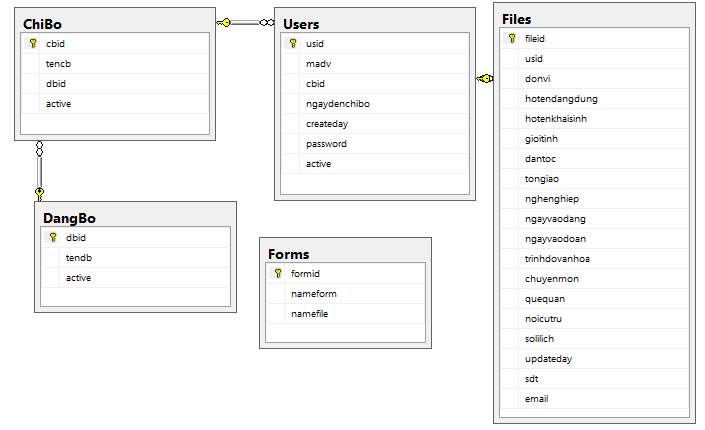
**B2:** Gửi id chi bộ sáp nhập và chi bộ muốn chuyển tới tới server

**B3:** Cập nhật toàn bộ user có mã chi bộ là chi bộ muốn sáp nhập thành mã chi bộ muốn chuyển tới.

**B4:** Phản hồi trạng thái, nếu sáp nhập thành công thì trạng thái là “true” nếu sáp nhập không thành công thì trạng thái là “false” về phía client

**B4:** Kiểm tra trạng thái sáp nhật, hiện dialog thông báo, nếu sáp nhập không thành công thì quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Sửa tên Chi bộ**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Chibo

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1: ChiBo** (cbid, tencb)

**D2**: Không có

**D3**: **Chibo** (cbid, tencb, active, updateday)

**D4**: **Chibo** (cbid, tencb).

**D5**: Không có

**D6**: Trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Hiện form sửa tên chi bộ

**B2:** Lấy thông tin mã chi bộ tên chi bộ

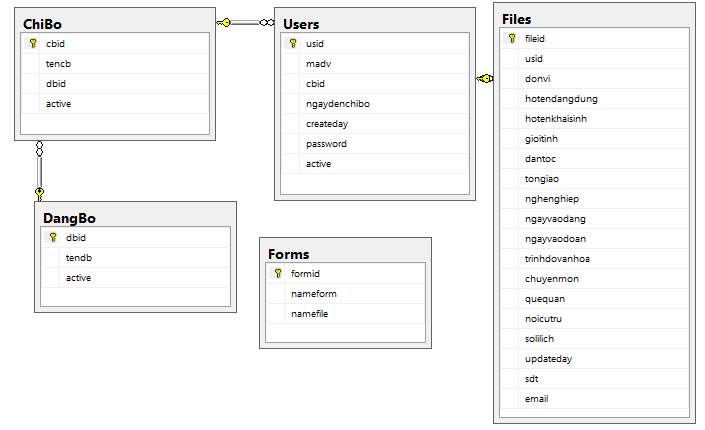
**B3:** Gửi thông tin Chi bộ tới server

**B4:** Cập nhật tên Chi bộ ở cơ sở dữ liệu

**B5:** Gửi trạng thái về phía client nếu thành công là “true” nếu thất bại là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo thành công hay thất bại cập nhật lại tên chi bộ, nếu thất bại quay về B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Đăng xuất**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1: User**(userid)
* **D2:** Không có
* **D3:** Không có
* **D4:** Không có
* **D5:** Không có
* **D6:** Chuyển người dùng tới màn hình đăng nhập.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:** Lấy thông tin người dùng(usid)

**B2:** Gửi thông tin người dùng tới server

**B3:** Kiểm tra thông tin người dùng có đang đăng nhập và tiến hành xóa token khỏi hệ thống.

**B4:** Thông báo đăng xuất thành công hay thất bại, chuyển người dùng tới màn hình đăng nhập.

* 1. **Thêm thành viên gia đình.**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Family

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid).
* **D2:** Không có
* **D3:** **Family**
* **D4:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid, active, updateday).
* **D5:** Không có
* **D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form thêm thành viên gia đình

**B2:** Lấy thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid).

**B3:** Gửi thông tin Family tới server.

**B4:** Cập nhật thông tin Family với ngày cập nhật là ngày hiện tại, trạng thái(active) là 0.

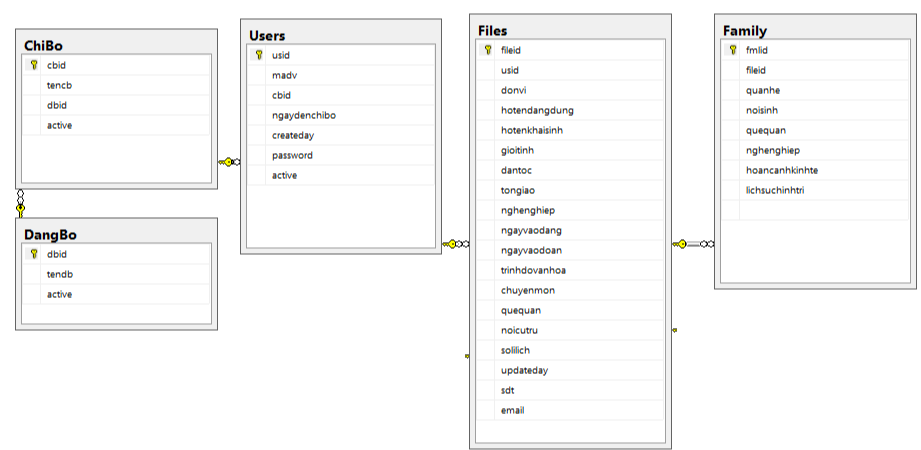
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

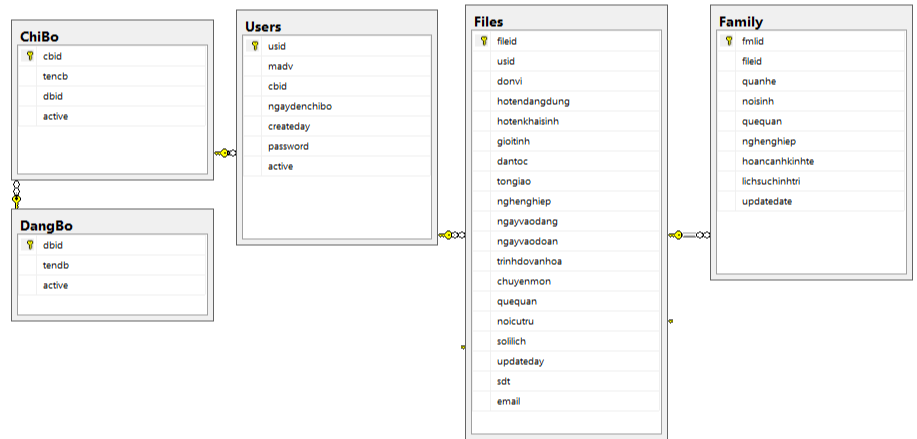
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**

**Family (**quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid)

* + - 1. **Xây dựng cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Xây dựng cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Sửa thông tin thành viên gia đình**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Family

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid).

**D2:** Không có

**D3:** **Family**

**D4:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid, active, updateday).

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa thành viên gia đình

**B2:** Lấy thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchinhtri, fileid).

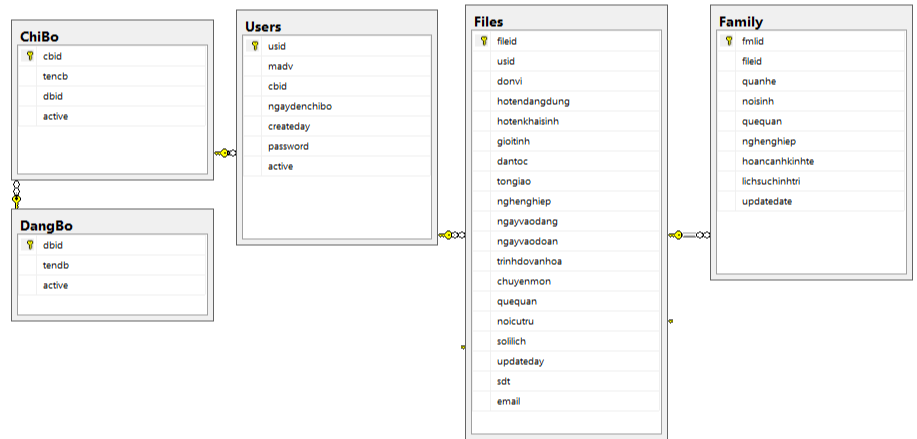
**B3:** Gửi thông tin **Family** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Family** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm kỉ luật**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Discripline

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Discripline

**D4:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form thêm kỉ luật

**B2:** Lấy thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

**B3:** Gửi thông tin Discripline tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Discripline** với ngày cập nhật là ngày hiện tại, trạng thái(active) là 0.

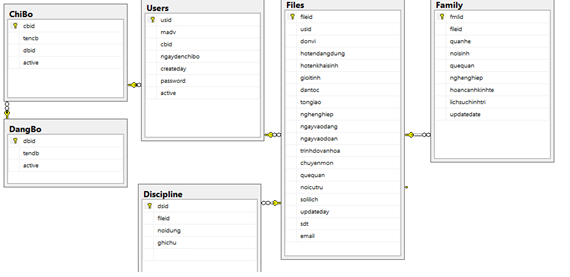
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

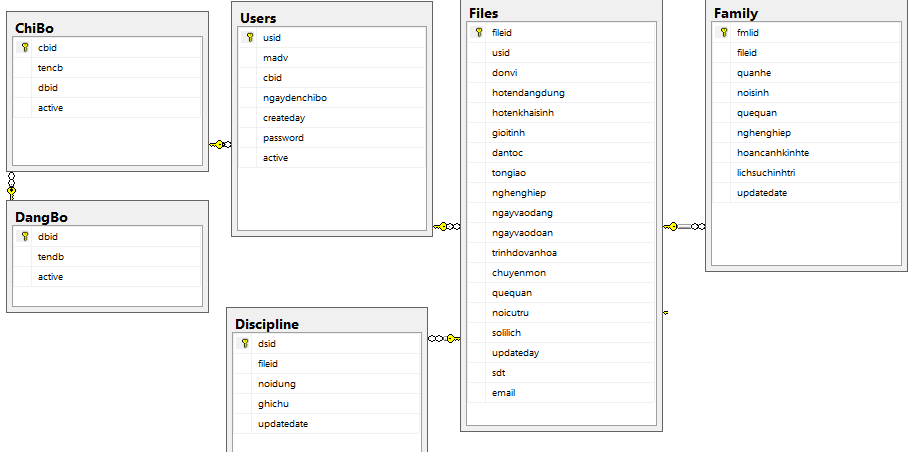
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**

**Discripline** (dsid, fileid, noidung, ghichu)

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Thiết kế cơ sơ dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Sửa kỉ luật**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Discripline

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Discripline

**D4:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa kỉ luật

**B2:** Lấy thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

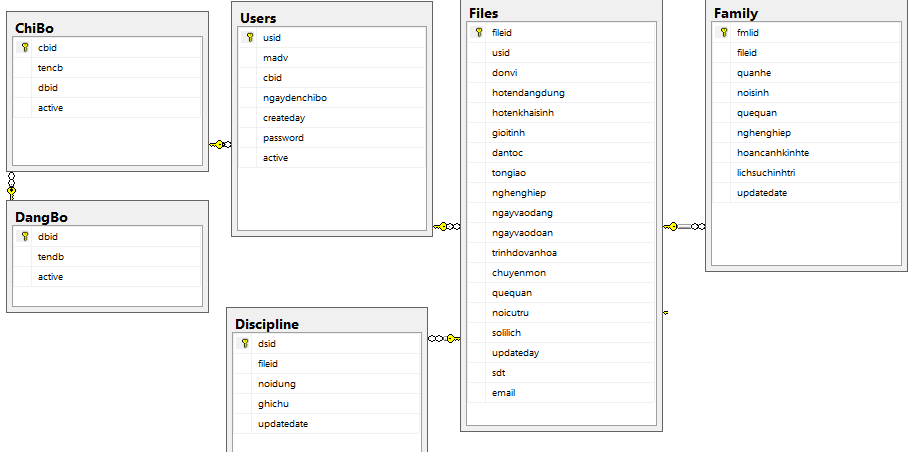
**B3:** Gửi thông tin **Discripline** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Discripline** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm khen thưởng**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Bonus

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** **Bonus**

**D4:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form thêm khen thưởng

**B2:** Lấy thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

**B3:** Gửi thông tin **Bonus** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Bonus** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

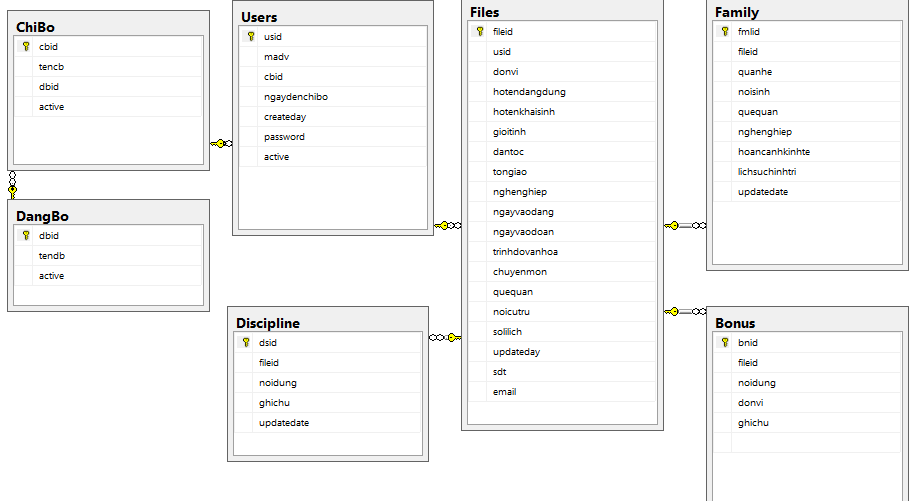
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

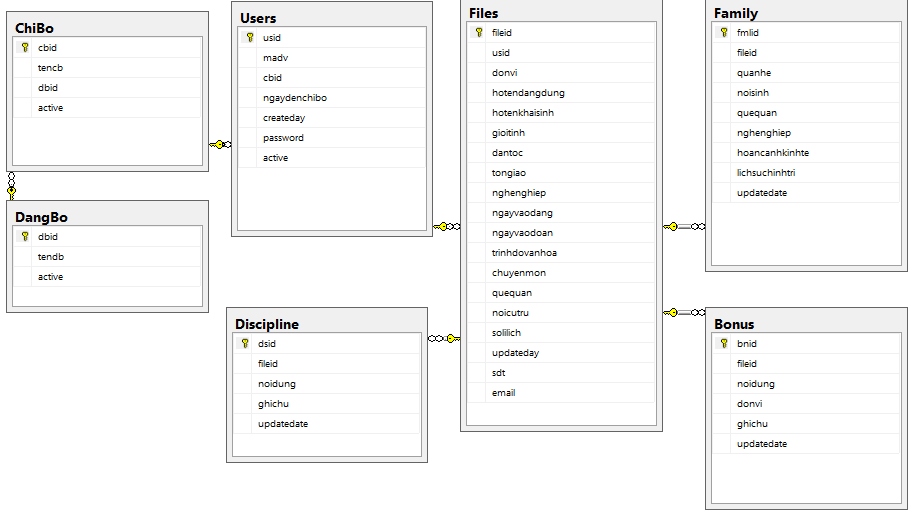
* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Các thuộc tính mới**

**Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**

****

* 1. **Sửa khen thưởng**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Bonus

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Bonus

**D4:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa khen thưởng

**B2:** Lấy thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

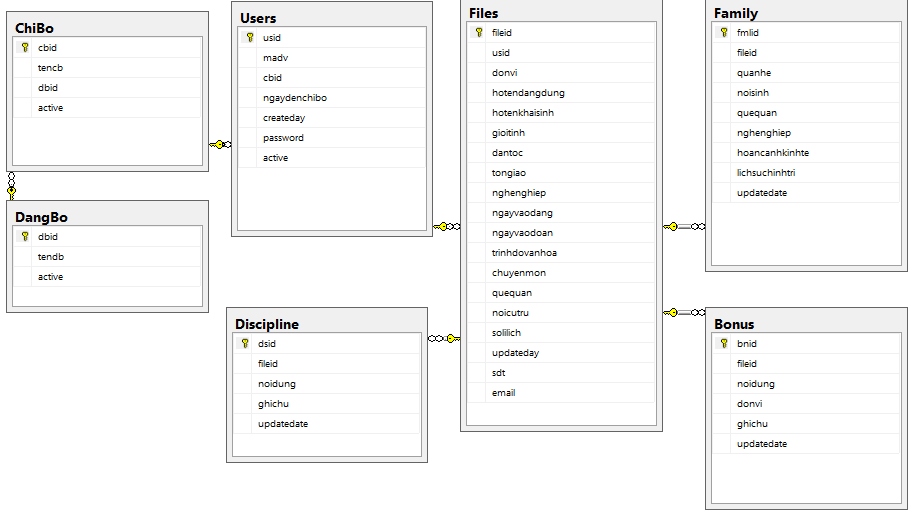
**B3:** Gửi thông tin **Bonus** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Bonus** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**

****

* 1. **Thống kê**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Admin

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Users, Files, Organization

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
    - **D1:** Thông tin (trường filter)
    - **D2:** Không có
    - **D3:** Users, Files, Oganization
    - **D4:** Trường filter.
    - **D5:** Máy in (nếu có)
    - **D6:** Users, Files, Oganization
    1. **Thuật toán**

**B1:**  Chọn trường filter

**B2:** Lấy thông tin theo trường filter

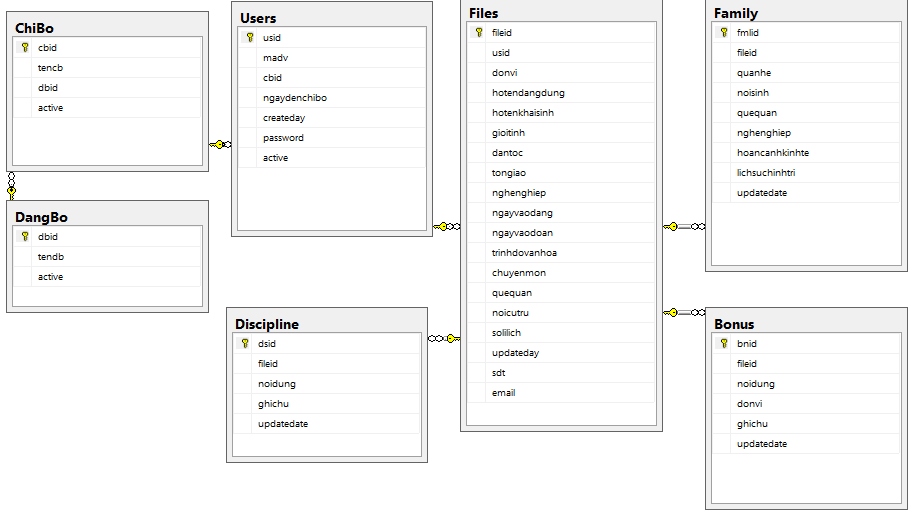
**B3:** Gửi thông tin tới server

**B4:** Lấy thông tin (Users, Files, Oganization)

**B5:** Trà thông tin lấy theo trường (Users, Files, Oganization)

**B6:** Hiện kết quả ra màn hình, nếu bị lỗi thì quay về B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**

****

1. **Các nghiệp vụ của Đảng viên.**
   1. **Đăng xuất**
      1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1: User**(userid)

**D2:** Không có

**D3:** Không có

**D4:** Không có

**D5:** Không có

**D6:** Chuyển người dùng tới màn hình đăng nhập.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Lấy thông tin người dùng(usid)

**B2:** Gửi thông tin người dùng tới server

**B3:** Kiểm tra thông tin người dùng có đang đăng nhập và tiến hành xóa token khỏi hệ thống.

**B4:** Thông báo đăng xuất thành công hay thất bại, chuyển người dùng tới màn hình đăng nhập.

* 1. **Xem và tải biểu mẫu**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Forms

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Không có

**D2**: Không có

**D3**: **Form** (formname, id, filename, active, updateday).

**D4**: Không có

**D5**: Không có

**D6**: Biểu mẫu đường dẫn và file

* + 1. **Thuật toán**

**B1:** Mở trang biểu mẫu

**B2:** Lấy biểu mẫu thông qua gọi server

**B3:** Hiện thị biểu mẫu cho người dùng

**B4:** Tải biểu mẫu khi người dùng chọn tải biểu mẫu

* 1. **Thêm và Sửa hồ sơ**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Files

* + 1. **Mô tả dữ liệu**
* **D1:** Thông tin **Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email).
* **D2**: **Files**
* **D3**: **Files** (Đảng viên) (donvi, hotendangdung, hotenkhaisinh, gioitinh, ngaythangnamsinh, dantoc, tongiao, nghenghiep, ngayvaodang, ngayvaodoan, trinhdovanhoa, trinhdochuyenmon, quequan, noicutru, solylich, ngaycapnhat, sdt, email, updateday).
* **D5**: Không có
* **D6**: Thông báo cập nhật thông tin thành công hay thất bại.
  + 1. **Thuật toán**

**B1:** Lấy thông tin người dùng

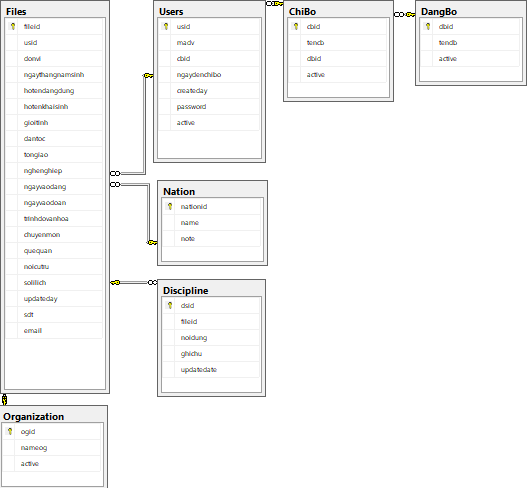
**B2:** Gửi thông tin người dùng tới server

**B3:** Lưu thông tin người dùng xuống database.

**B4:** Gửi trạng thái tới người dùng, thành công trạng thái là “true” nếu không thành công trạng thái là “false”.

**B5:** Kiểm tra trạng thái gửi về từ client, hiện dialog thông báo, nếu thành công thì tắt form edit nếu không thành công thì chuyển tới B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm thành viên gia đình.**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Family

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid)

**D2:** Không có

**D3:** **Family**

**D4:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form them thành viên gia đình

**B2:** Lấy thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid)

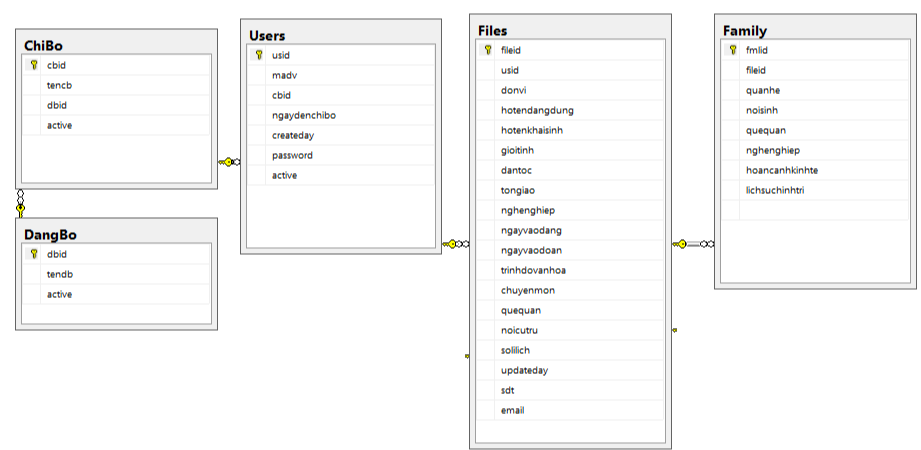
**B3:** Gửi thông tin **Family** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Family** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

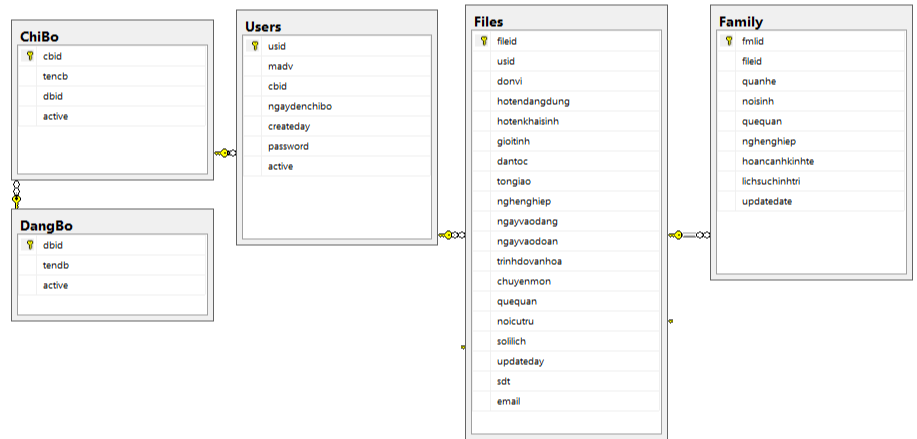
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Xây dựng cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Xây dựng cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**



* 1. **Sửa thông tin thành viên gia đình**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Family

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid).

**D2:** Không có

**D3:** Family

**D4:** Thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid, updateday).

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa thành viên gia đình

**B2:** Lấy thông tin **Family** (quanhe, noising, quequan, nghenghiep, hoancanhgiadinh, lichsuchitri, fileid).

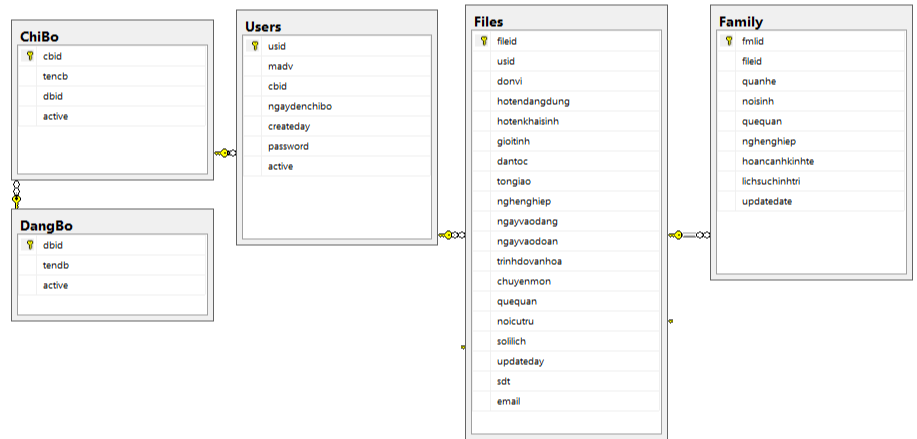
**B3:** Gửi thông tin Family tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Family** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm kỉ luật**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Discripline

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** **Discripline**

**D4:** Thông tin **Discripline** fileid, noidung, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form thêm kỉ luật.

**B2:** Lấy thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu, updateday).

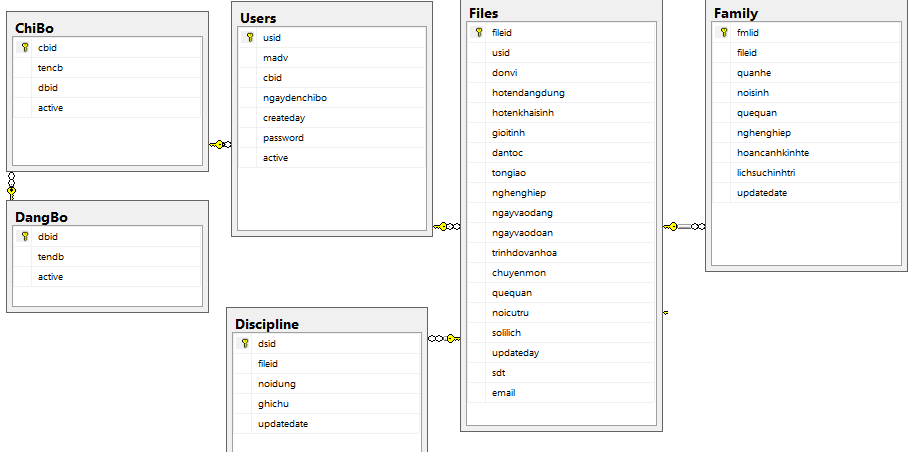
**B3:** Gửi thông tin **Discripline** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Discripline** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Sửa kỉ luật**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Discripline

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Discripline

**D4:** Thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật.

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa kỉ luật

**B2:** Lấy thông tin **Discripline** (fileid, noidung, ghichu)

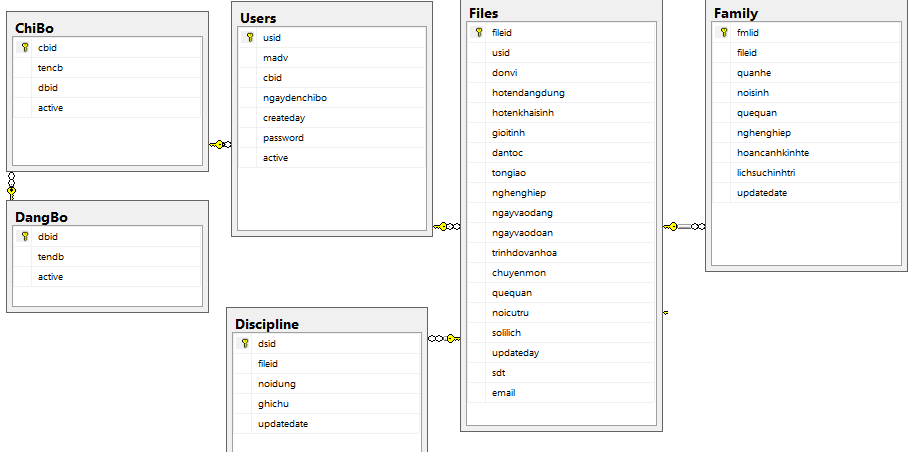
**B3:** Gửi thông tin **Discripline** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Discripline** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**



* 1. **Thêm khen thưởng**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Bonus

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Bonus

**D4:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form thêm khen thưởng

**B2:** Lấy thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

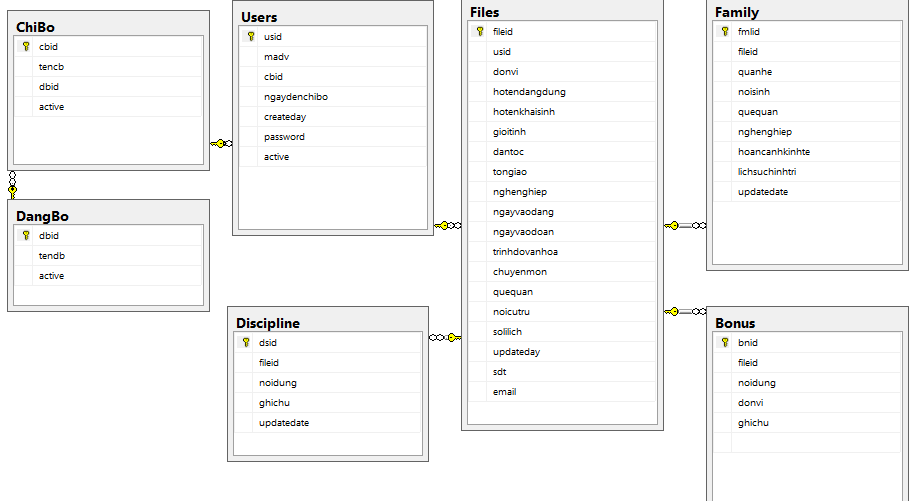
**B3:** Gửi thông tin **Bonus** tới server

**B4:** Cập nhật thông tin **Bonus** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

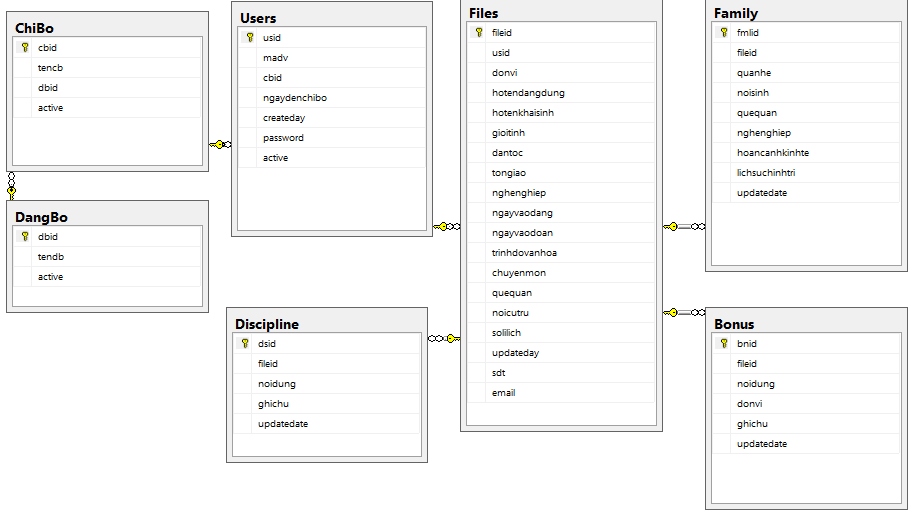
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**
       1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính đúng đắn**



* + - 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu mang tính tiến hóa**

****

* 1. **Sửa khen thưởng**
     1. **Sơ đồ luồng dữ liệu**

Đảng viên

Thiết bị nhập

Thiết bị xuất

D1

D2

D3

D4

D5

D6

Bảng Bonus

* + 1. **Mô tả dữ liệu**

**D1:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu)

**D2:** Không có

**D3:** Bonus

**D4:** Thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu, updateday)

**D5:** Không có

**D6:** Thông báo trạng thái cập nhật

* + 1. **Thuật toán**

**B1:**  Hiện form sửa khen thưởng.

**B2:** Lấy thông tin **Bonus** (fileid, noidung, donvi, ghichu).

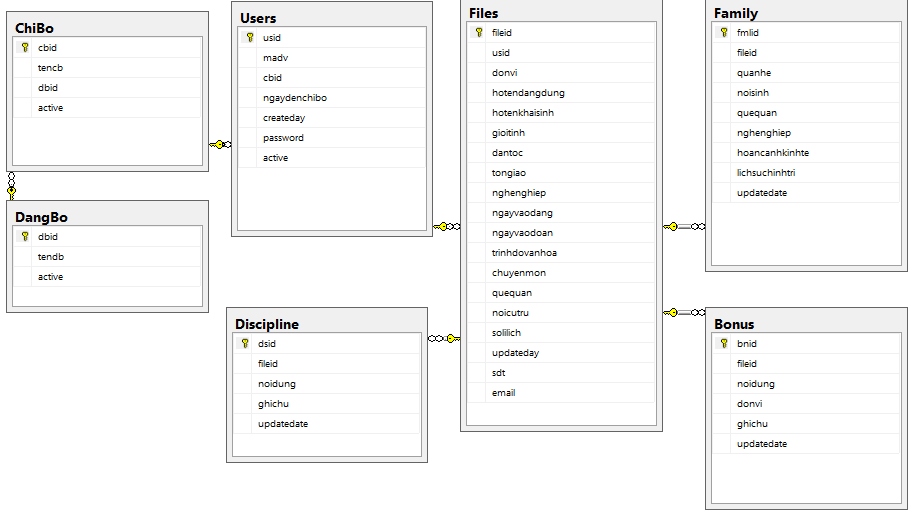
**B3:** Gửi thông tin **Bonus** tới server.

**B4:** Cập nhật thông tin **Bonus** với ngày cập nhật là ngày hiện tại.

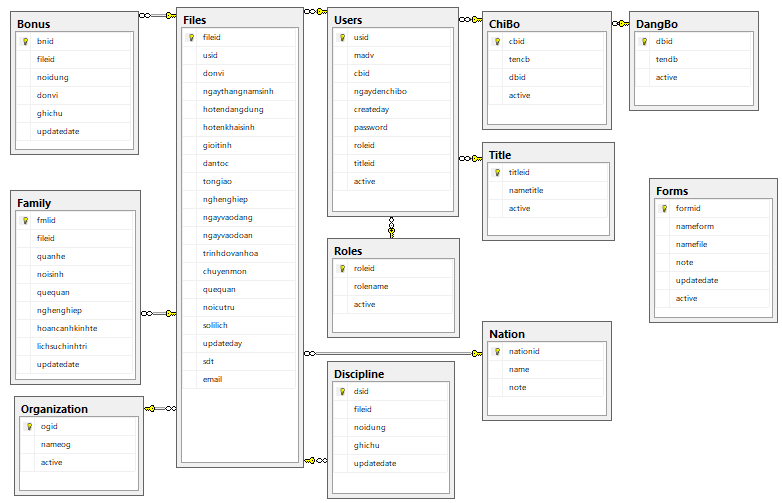
**B5:** Tạo trạng thái thông báo trả về cho client , nếu thành công trạng thái là “true”, nếu không thành công thì trạng thái là “false”.

**B6:** Hiện dialog thông báo kết quả cho người dùng, nếu kết quả không thành công quay lại B1.

* + 1. **Thiết kế cơ sở dữ liệu**

****

1. **CƠ SỞ DỮ LIỆU CUỐI CÙNG**
2. **Cơ sở dữ liệu**



1. **Mô tả cơ sở dữ liệu**
   1. **Bảng Rolse** (Chứa quyền của người dùng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | roleid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | rolename | Tên quyền | Nvarchar (100) |  |
| 3 | active | Trạng thái hoạt động | Bit |  |

* 1. **Bảng Title** (Chứa các chức vụ trong Đảng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | Titleid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | Nametitle | Tên chức vụ | Nvachar (100) |  |
| 3 | Active | Trạng thái hoạt động | Bit |  |

* 1. **Bảng Users** (Chứa thông tin đăng kí ban đầu).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | usid | Khóa chính | Int |  |
| 222gs2 2 | madv | Mã Đảng viên | Nvarchar(9) |  |
| 3 | cbid | Mã Chi bộ | Int |  |
| 4 | ngaydenchibo | Ngày đến chi bộ | Datetime |  |
| 5 | createday | Ngày tạo user | Datetime |  |
| 6 | password | Mật khẩu | Nvarchar(100) |  |
| 7 | active | Trạng thái hoạt động | bit |  |

* 1. **Bảng Files** (Chứa thông tin chi tiết của Đảng viên).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | fileid | Khóa chính | Int |  |
| 2 ưe2 | usid | Khóa ngoại | Int |  |
| 3 | donvi | Đơn vị hoạt động | int |  |
| 4 | hotendangdung | Tên đang dùng | Nvarchar(200) |  |
| 5 | hotenkhaisinh | Tên khai sinh | Nvarchar(200) |  |
| 6 | gioi tinh | Giới tính | Int |  |
| 7 | dantoc | Dân tộc | int |  |
| 8 | tongiao | Tôn giáo | int |  |
| 9 | ngheghiep | Nghề nghiệp | Nvarchar(100) |  |
| 10 | ngayvaodang | Ngày vào Đảng | Datetime |  |
| 11 | ngayvaodoan | Ngày vào đoàn | Datetime |  |
| 12 | trinhdovanhoa | Trình độ văn hóa | Nvarchar(2) |  |
| 13 | chuyenmon | Chuyên môn | Nvarchar(100) |  |
| 14 | quequan | Quê quán | Nvarchar(500) |  |
| 15 | noicutru | Nơi cư trú | Nvarchar(300) |  |
| 16 | solilich | Số lí lịch | Nvarchar(20) |  |
| 17 | updateday | Ngày cập nhật | Datetime |  |
| 18 | sodienthoai | Số điện thoại | Nvarchar(10) |  |
| 19 | email | Email | Nvarchar(100) |  |
| 20 | ngaythangnamsinh | Ngày tháng năm sinh | datetime |  |

* 1. **Bảng Family** (Chứa thông tin thành viên trong gia đình)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | fmlid | Khóa chính | Int | Tự sinh |
| Sfsafdà2 | fileid | Khóa ngoại | Int |  |
| 3 | quanhe | Quan hệ với user | Nvarchar(20) |  |
| 4 | noisinh | Nơi sinh | Nvarchar(200) |  |
| 5 | quequan | Quê quán | Nvarchar(200) |  |
| 6 | nghenghiep | Nghề nghiệp | Nvarchar(200) |  |
| 7 | hoancanhkinhte | Hoàn cảnh kinh tế | Nvarchar(1000) |  |
| 8 | lichsuchinhtri | Lịch sử chính trị | Nvarchar(1000) |  |
| 9 | updateday | Ngày cập nhật | Datetime |  |

* 1. **Bảng Dangbo** (Chứa thông tin các Đảng bộ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | Dbid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | Tendb | Tên Đảng bộ | Nvarchar(200) |  |
| 3 | Active | Trạng thái hoạt động | Int |  |

* 1. **Bảng Chibo** (Chứa thông tin chi bộ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | cbid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | tencb | Tên Chi bộ | Nvarchar(200) |  |
| 3 | dbid | Khóa ngoại | Int |  |
| 3 | active | Trạng thái hoạt động | int |  |

* 1. **Bảng Bonus** (Chứa thông tin khen thưởng của Đảng viên).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | bnid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | fileid | Khóa ngoại | Int |  |
| 3 | noidung | Nội dung | Nvarchar(1000) |  |
| 4 | donvi | Đơn vị | Nvarchar(200) |  |
| 5 | ghichu | Ghi chú | Nvarchar(1000) |  |
| 6 | updateday | Ngày cập nhật | datetime |  |

* 1. **Bảng Discripline** (Chứa thông tin kỉ luật của Đảng viên)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | dsid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | fileid | Khóa ngoại | Int |  |
| 3 | noidung | Nội dung | Nvarchar(500) |  |
| 4 | ghichu | Ghi chú | Nvarchar(1000) |  |
| 5 | updateday | Ngày cập nhật | datetime |  |

* 1. **Bảng Nation** (Chứa thông tin về các Dân tộc ở Việt Nam)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | ogid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | nameog | Tên Dân tộc | Nvachar (100) |  |
| 2 | note | Ghi chú | Nvarchar (200) |  |

* 1. **Bảng Organization** (Chứa thông tin các cơ quan (nơi công tác))

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuộc tính** | **Mô tả** | **Kiểu dữ liệu** | **Ghi chú** |
| 1 | ogid | Khóa chính | Int |  |
| 2 | nameog | Tên cơ quan | Nvarchar (200) |  |
| 3 | active | Trạng thái hoạt động | Bit |  |

1. **HƯỚNG ĐỀ XUẤT**
2. **Công nghệ**

* Asp.net core 2.1 (C#) với mô hình MVC cho server. Js sử dụng bộ thư viện Jquery cho client.

1. **Database server**

* Sử dụng SQL server hoặc MySql server database.